

TÁC ĐỘNG CỦA SỰ SUY GIẢM NGUỒN VỐN TỰ NHIÊN ĐẾN SINH KẾ CỦA CÁC HỘ VẠN ĐÒ ĐỊNH CƯ Ở XÃ VINH PHÚ- PHÚ VANG- THỪA THIÊN HUẾ HIỆN NAY

TS. Trần Xuân Bình, SV. Nguyễn Hữu An***

** Giám đốc CSSH, Trưởng khoa Xã hội học*

*** Khóa 30 – Khoa Xã hội học*

1. Đặt vấn đề

Hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai là tổng thể đầm phá ven biển miền Trung Việt Nam thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế. Những năm gần đây, dưới sức ép của sự gia tăng dân số, nhu cầu phát triển kinh tế xã - hội mà trực tiếp là các hoạt động khai thác quá tải, có tính hủy diệt đã làm giảm kiệt đến mức đáng lo ngại nguồn tài nguyên của vùng đầm phá.. Bên cạnh đó, sự thu hẹp diện tích mặt nước do hoạt động nuôi trồng thủy sản ngày càng tăng đã và đang tác động không nhỏ đến hoạt động sinh kế các hộ gia đình vạn dò định cư.

2. Sinh kế của các hộ vạn dò định cư hiện nay

2.1. Các hoạt động sinh kế của các hộ vạn dò định cư

Các công việc gắn với sông nước vẫn là nghề chính và quan trọng của các hộ định cư. Số hộ gia đình tham gia đánh bắt chiếm 73,6%, có 15,3% hộ vừa đánh bắt vừa tham gia nuôi trồng. Một tỷ lệ nhỏ 1,2% số hộ được điều tra chỉ tham gia nuôi trồng thủy sản. Bên cạnh đó, vẫn thấy một tỷ lệ không nhỏ các hộ vạn dò định cư không làm nghề sông nước.

2.1.1. Đánh bắt thủy sản tại đầm phá

a. Thời điểm, thời lượng đánh bắt và lượng ngày đánh bắt: Công việc đánh bắt thường được thực hiện vào ban đêm. Theo kết quả nghiên cứu, thời điểm xuất phát đi đánh bắt của các hộ định cư chủ yếu vào ban đêm, ban ngày rất ít, thời điểm từ 16h đến 19h Thời lượng đánh bắt trung bình của các hộ gia đình ở đây là từ 10 đến 12 tiếng. Như vậy, thời gian lao động của người dân ở đây khá cao. Yêu cầu của công việc đánh bắt đã tạo nên một đặc trưng trong công việc và sinh hoạt hằng ngày của các hộ gia đình, đó là làm đêm, ngủ ngày. Các hộ vạn dò định cư đánh bắt trung bình từ 24 đến 25 ngày. Lượng ngày đánh bắt trong tháng tùy theo mùa, nhìn chung mọi người đều cho rằng, mùa mưa bão lượng ngày đánh bắt ít hơn.

b. Hình thức đánh bắt:

Nghề lưới là nghề phổ biến nhất, có 86,7% số hộ được hỏi có đánh bắt bằng nghề này, tiếp theo đó là nghề lừ (54,8%), đánh bắt bằng đáy, sáo và chuôm chiếm tỷ lệ không cao trong các hộ gia đình ở đây. Ngoài những hình thức đánh bắt trên, một số hộ dân ở đây còn đánh bắt bằng te, rớ, xiếc, dấp. Trong các hộ gia đình, lưới là hình thức đánh

được nhiều gia đình chọn là hình thức đánh bắt chính (52,5%), lừ chiếm tỷ lệ thứ hai với 27,3%.

c. Lực lượng lao động gia đình tham gia đánh bắt: Theo kết quả nghiên cứu, cứ mỗi gia đình trung bình có hai thành viên tham gia đánh bắt. So sánh với số thành viên trong gia đình (được nêu ở phần trên) trung bình từ 5 đến 6 người thì sự đầu tư về lực lượng lao động vào công việc đánh bắt của các hộ định cư không phải là cao.

d. Mục đích sử dụng các sản phẩm đánh bắt: Có đến 99,4% hộ gia đình được hỏi sử dụng sản phẩm từ đánh bắt là để bán tạo thu nhập, 93,5% số hộ được hỏi dùng làm thực phẩm ăn uống. Dùng làm nguyên liệu nuôi trồng có 6,5% hộ sử dụng, chỉ có 3,2% hộ được hỏi dùng làm nguyên liệu chăn nuôi.

2.1.2. Nuôi trồng thủy sản tại đầm phá

Hình thức nuôi chủ yếu của các hộ gia đình là nuôi ao đất và lồng/bè. Có 66,7% hộ gia đình tham gia nuôi ao đất, bên cạnh đó nuôi lồng/bè chiếm 25,9% và vây lưới là 11,1%. Ao đất cũng là hình thức nuôi chính tại nhiều hộ gia đình với 66,7%, nuôi lồng/bè chiếm 25,9% và vây lưới là 7,4%. Diện tích nuôi trồng của các hộ định cư không lớn, chỉ trên dưới 1ha. Có 60% hộ nuôi trồng thủy sản có diện tích nuôi dưới 0,5ha, chỉ có 16% hộ nuôi trồng có diện tích trên 1ha.

2.2. Kết quả sinh kế của các hộ vạn đò định cư

a. Sản lượng đánh bắt thủy sản và nuôi trồng thủy sản

Theo kết quả nghiên cứu, trung bình mỗi hộ gia đình đánh bắt được từ 2,3kg đến 2,5 kg trong một đêm. Theo đánh giá của người dân, sản lượng đánh bắt đã giảm đi rất nhiều so với trước. Sản lượng từ nuôi trồng thủy sản được tính theo mùa vụ. Trung bình một vụ các hộ gia đình tham gia nuôi trồng thu hoạch khoảng 120kg đến 200 kg.

b. Thu nhập và các nguồn thu

Nghiên cứu đã xác định được 7 nguồn thu hiện có trong các hộ gia đình vạn đò định cư. Thu nhập từ đánh bắt thủy sản chiếm tỷ trọng trung bình trên 70% trong cơ cấu thu nhập của các hộ vạn đò định cư. Trong đó có tỷ lệ hộ có tỷ trọng thu nhập từ đánh bắt là 100%, tức gia đình chỉ có nguồn thu duy nhất từ đánh bắt thủy sản chiếm đến 48 %.

Có 89,2% hộ gia đình được hỏi có nguồn thu từ đánh bắt. Nguồn thu phổ biến thứ hai là từ người nhà lao động tại tỉnh khác, có 26,8% hộ gia đình có nguồn thu này, tiếp theo là nuôi trồng với 12,3% hộ, buôn bán 11,5% hộ. Các nguồn thu còn lại như đi biển, làm nông nghiệp hay từ nước ngoài gửi về chiếm tỷ lệ.

c. Lương thực, thực phẩm

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong 163 hộ gia đình được hỏi, có 104 hộ (63,8%) lương thực đảm bảo cho gia đình, 57 hộ (35%) cho rằng lương thực trong gia đình khi đủ khi không, và có 2 hộ (1,2%) cho rằng lương thực trong gia đình không đủ ăn

Thực phẩm chủ yếu của các hộ gia đình là gạo, rau và cá. Các sản phẩm đánh bắt từ đầm phá có giá trị từ đầm phá như tôm, cua, mực được các hộ gia đình sử dụng hạn chế vào việc làm thực phẩm ăn uống thay vào đó là đem bán để tạo thu nhập. Có một điều thú vị là các thực phẩm là thịt (lợn, gà, trâu, bò...) người dân ở đây ít dùng.

d. Tài sản trong gia đình

Tài sản trong gia đình tại các hộ VĐĐC chủ yếu phục vụ cho những nhu cầu cơ bản nhất trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của gia đình như ti vi, đầu video, xe đạp, xe máy, điện thoại, quạt điện... Tuy nhiên, những tài sản này không phải phổ biến hầu hết tại các gia đình mà còn rất nhiều hộ gia đình còn thiếu những phương tiện sinh hoạt được xem là gần gũi và thiết thực nhất.

e. Tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế và giáo dục

Nghiên cứu cho thấy, các hộ gia đình vạn dò định cư ở đây có xu hướng con em bỏ học giữa chừng, học hết tiểu học hoặc cố gắng lắm các gia đình cũng chỉ cho con cái học đến lớp 7 hoặc lớp 8. Có đến 74,8% gia đình có con bỏ học giữa chừng, 25,2% gia đình còn lại đa số là những gia đình đang có con nhỏ, con đang học các lớp cấp I, hiếm có gia đình có con trong độ tuổi từ 15 đến 18 mà vẫn còn theo học. Chỉ có 38,5% gia đình cho biết có chỉ bảo thêm về kiến thức) hoặc cho con đi học thêm (chỉ có 18,5% gia đình cho con đi học thêm).

Đi khám sức khoẻ định kỳ hầu như là một việc làm mà không hề có trong suy nghĩ của người dân nơi đây. Khi hỏi gia đình chữa bệnh bằng cách nào, có 43% hộ gia đình trả lời là đi bệnh viện, đi trạm xá là 41,2%, đi bệnh viện tư 6,1%, tự chữa 43%.

2.3. Những khó khăn trong cuộc sống hàng ngày của các hộ vạn dò định cư

Khi được hỏi về những khó khăn, thách thức đối với gia đình trong cuộc sống hàng ngày, những vấn đề về suy giảm nguồn lợi, thu nhập thấp, nợ nần, thiếu vốn, công việc không ổn định được các hộ gia đình đánh giá tỷ lệ cao nhất ở mức độ nghiêm trọng. Riêng sự suy giảm sản lượng thủy sản tại đầm phá được đồng ý cao nhất ở mức độ rất nghiêm trọng. Có một điều đáng chú ý rằng phần đông gia đình ở đây đều coi việc trẻ em phải bỏ học giữa chừng không phải là khó khăn, việc học hành đến nơi đến chốn không phải là vấn đề quan trọng đối với họ.

3. Tác động của sự suy giảm nguồn vốn tự nhiên vùng đầm phá đến sinh kế của các hộ vạn dò định cư

3.1. Sự suy giảm nguồn lợi thủy sản vùng đầm phá Tam Giang

a. Sự suy giảm sản lượng thủy sản

Theo thống kê của Sở Thủy sản tỉnh Thừa Thiên - Huế (2004), qua ba thập niên, sản lượng khai thác thủy sản trên đầm phá Tam Giang - Cầu Hai giảm gần một nửa. Từ 4.500 tấn trước năm 1980 xuống còn khoảng 2.500 tấn (2004).

Sản lượng đánh bắt tại đầm phá giảm đột ngột từ những năm giữa cuối thập niên 70 của thế kỷ trước, xuống thấp nhất vào đầu những năm 80 và 90 của thế kỷ 20.

b. Gia tăng diện tích nuôi trồng thủy sản kéo theo sự thu hẹp diện tích mặt nước

Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng nhảy vọt trong khoảng 10 năm, từ đầu những năm 1990 đến đầu những năm 2000, và tăng mạnh đầu những năm 2000 – 2003. Trong vòng 4 năm đầu 2000, diện tích nuôi trồng tăng gần 2000ha. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản tại đầm phá năm 2009 là 5356ha.

Như vậy, cùng với sự gia tăng nhanh chóng của hình thức nuôi trồng thủy sản là sự thu hẹp về diện tích dành cho đánh bắt. Diện tích khoanh nuôi tôm chiếm hết 685,68 ha lòng đầm, và hơn nữa từ năm 1997 đến 1999, trong 7 năm đầm phá giảm đi 2928,2ha

c. Nguyên nhân của tình trạng trên

Dân số tăng nhanh, kéo theo những hệ quả tất yếu về tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống. Sự gia tăng diện tích nuôi trồng thủy sản kéo theo diện tích mặt nước giành cho đánh bắt ngày càng thu hẹp. Môi trường ô nhiễm do việc xử lý không đúng cách hoặc quá liều từ nuôi trồng dẫn đến các chất diệt tạp lan ra các khu vực sông đầm làm cá tôm không thể sinh sống được. Số lượng các gia đình cũng như các đơn vị khai thác không giảm đi mà còn tăng nhanh làm cho mật độ khai thác trên sông đầm ngày càng dày đặc, do đó tôm cá ngày càng bị khai thác quá mức.

3.2 Ảnh hưởng của sự suy giảm nguồn lợi thủy sản đến sinh kế các hộ vạ đồ định cư

a. Tình hình đánh bắt của các hộ gia đình vạ đồ định cư trước sự suy giảm nguồn vốn tự nhiên tại đầm phá Tam Giang

Hình thức đánh bắt: Theo kết quả nghiên cứu, các hình thức đánh bắt của các hộ vạ đồ định cư vẫn phổ biến như trước đây và thay đổi không đáng kể trong tỷ lệ các hộ chuyển từ nghề này sang nghề khác. Nhìn chung nghề lưới và nghề lừ vẫn là hai nghề có số hộ gia đình tham gia nhiều nhất kể cả trước đây và đến bây giờ. Không có sự thay đổi lớn trong việc chuyển từ nghề này sang nghề khác hoặc tham gia cùng một lúc nhiều nghề, nhưng ngư cụ dành cho đánh bắt đầu tư nhiều hơn trước kia.

Thời điểm, thời lượng, lượng ngày đánh bắt, địa điểm đánh bắt:

So với trước năm 2000, tỷ lệ hộ gia đình đi đánh bắt trong khung giờ từ 16h đến 19h vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất. Thời gian ra sông đầm của các hộ vạ đồ định cư chủ yếu là từ chiều tối đến đêm. Thời lượng đánh bắt của các hộ gia đình cũng không có sự thay đổi lớn, bình quân mỗi hộ gia đình đều tham gia đánh bắt từ 10 đến 12 tiếng và tỷ lệ hộ có thời lượng đánh bắt trên 10 tiếng cao nhất. Trước năm 2000, trong một tháng, mỗi hộ gia đình trung bình đánh bắt 26 ngày thì bây giờ tăng lên 27 ngày.

Lực lượng lao động tham gia: Hiện nay xuất hiện xu hướng các thành viên trong gia đình, đặc biệt là lứa tuổi thanh niên từ 15 đến 18 tuổi không tham gia đánh bắt cùng gia đình mà tìm kiếm công việc khác. Tỷ lệ gia đình có từ 1 đến 2 lao động tham gia vào đánh bắt phổ biến và chiếm cao nhất. Gia đình có từ 3 đến 4 người tham gia vào đánh bắt rất ít và số hộ có trên 4 người lại hạn chế hơn và có xu hướng giảm.

Sản lượng tôm cá trên một lần đánh bắt: Sự sụt giảm trong năng suất đánh bắt thể hiện tác động rõ nét nhất và trực tiếp nhất.

Trước năm 2000 trung bình mỗi hộ đánh bắt được khoảng 4kg trong mỗi đêm làm nghề và trung bình thu nhập của họ trong một ngày là từ 100000 đồng đến 150000 đồng tùy theo giá cả lúc bán. Nhưng hiện nay, trung bình mỗi hộ chỉ có khoảng hơn 2kg trong một đêm, tức là giảm khoảng gần một nửa, và trung bình thu nhập của họ một ngày khoảng 50000 đến 70000 đồng.

Hiện nay số hộ gia đình một đêm làm nghề tại sông đầm có được trên 1kg giảm đi so với trước năm 2000. Tuy nhiên số hộ có dưới 1kg lại tăng thêm. Điều đó phản ánh sự đi xuống về sản lượng đánh bắt chung cho tất cả các hộ gia đình. Đặc biệt số hộ có sản lượng từ 3kg đến 5kg giảm khoảng 7%, còn số hộ có trên 5kg giảm mạnh hơn 10%.

b. Thu nhập hộ gia đình trong tình hình suy giảm nguồn lợi tại đầm phá Tam Giang

Cơ cấu thu nhập của các hộ vựa đồ định cư: Tỷ trọng thu nhập từ đánh bắt của các hộ VĐĐC định trước năm 2000 chiếm 86%, tuy nhiên hiện nay tỷ trọng thu nhập từ đánh bắt chỉ còn khoảng 71% trong cơ cấu thu nhập. Một điều đáng chú ý, trước những năm 2000, tỷ lệ hộ gia đình thu nhập thủy sản chiếm 100% trong cơ cấu thu nhập rất cao (chiếm 70%), tức gia đình chỉ có một nguồn thu duy nhất là từ thủy sản, thì bây giờ tỷ lệ đó giảm xuống còn khoảng 48%. Như vậy, hiện nay có hơn một nửa số hộ gia đình tại địa bàn nghiên cứu có nguồn thu nhập khác ngoài thu nhập từ đánh bắt thủy sản.

Các nguồn thu hiện có tại các hộ gia đình thì thu nhập từ thủy sản vẫn đóng vai trò quan trọng nhưng tỷ lệ hộ có thu nhập từ đánh bắt đã có dấu hiệu giảm (5%). Bên cạnh một tỷ lệ nhỏ các hộ gia đình không còn nguồn thu từ đánh bắt, một tỷ lệ các hộ gia đình lại xuất hiện nguồn thu từ lao động di cư, nuôi trồng thủy sản, buôn bán, đi biển. Điều đáng nói, tỷ lệ hộ có thu nhập từ lao động di cư trước năm 2000 chỉ đứng thứ 3 nhưng hiện nay đây là nguồn thu phổ biến thứ 2 (26,8%) sau nguồn thu từ đánh bắt.

Thu nhập từ đánh bắt thủy sản: Hiện nay, tỷ lệ hộ gia đình thu nhập từ 2 triệu đồng trở lên giảm xuống so với trước năm 2000. Cụ thể, số hộ gia đình có thu nhập trên 4 triệu từ đánh bắt giảm 1,3%, thu nhập từ 3 đến 4 triệu giảm 0,6%, thu nhập từ 2 triệu đến 3 triệu giảm 1,6%. Tỷ lệ hộ gia đình có thu nhập từ 1 triệu đến 2 triệu lại tăng một cách rõ rệt từ 46,9% đến 55,7%. Như vậy sự gia tăng tỷ lệ các hộ gia đình trong mức

thu nhập thấp cùng với sự giảm sút của tỷ lệ hộ gia đình trong các mức thu nhập cao phản ánh chân thực về nguy cơ kinh tế từ đánh bắt.

c. Lao động - việc làm dưới tác động của sự suy giảm nguồn lợi vùng đầm phá

Tại các địa phương được nghiên cứu, ngoài công việc đánh bắt tại đầm phá là chính, hiện nay các gia đình còn làm thêm các công việc khác như nuôi trồng, buôn bán, làm nông, đi biển, làm thợ hồ...Hầu hết các công việc trên được các hộ gia đình tham gia từ trên 10 năm nay. Số hộ gia đình có các nghề này ở mức từ 7 đến 10 năm chiếm tỷ lệ lớn. Mặc dù tỷ lệ hộ gia đình tham gia các công việc này ở mức 1 đến 3 năm không nhiều hơn so với các mức khác nhưng tỷ lệ đó cũng không nhỏ. Dưới tác động của sự suy giảm nguồn lợi tại đầm phá, các hoạt động sinh kế của các hộ gia đình ở đây ngày càng trở nên đa dạng hơn, thể hiện sự tìm tòi và đối phó của các hộ gia đình trước những nguy cơ, thách thức trong cuộc sống hàng ngày.

Bên cạnh việc tham gia các công việc kể trên để tạo thu nhập, xu hướng cho con đi làm ăn xa tại các tỉnh thành khác phổ biến trong rất nhiều hộ gia đình. Nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng này cũng chỉ do làm nghề không đủ ăn nên các hộ gia đình phải cho con em đi lao động để tự nuôi sống bản thân và thu nhập. Theo kết quả nghiên cứu cho thấy, trong tổng số 163 hộ gia đình được nghiên cứu, có đến 94 hộ gia đình có con em đi lao động tại các tỉnh khác chiếm 57,7%, 69 hộ không có con em đi lao động tại các tỉnh khác (42,3%). Như vậy, có quá nửa số gia đình được hỏi có người nhà đi làm ăn xa.

Mặc dù người dân cho biết phong trào di cư lao động có lâu rồi nhưng có thể thấy 5 năm trở lại đây phong trào đi làm ăn xa mới rầm rộ hơn. Đặc biệt số lượng lao động đi từ 2 năm trở lại đây là cao nhất (58,5%). Điều đó có thể dự báo được trong những năm tiếp theo số lượng lao động di cư sẽ tăng hơn nữa. Qua nghiên cứu cho thấy, địa điểm lao động di cư tại địa phương đến nhiều nhất là các đô thị lớn và vùng Tây Nguyên, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh

Vấn đề lao động di cư và giáo dục tại địa phương có mối quan hệ với nhau. Đa số các hộ gia đình có con cái bỏ học đều có xu hướng cho con đi làm ăn xa tại các thành phố hoặc lên thành phố lao động kiếm thu nhập. Đây là một vấn đề xã hội và là hệ quả mang tính xã hội gián tiếp từ sự tác động của suy giảm nguồn lợi tại đầm phá đến đời sống gia đình của các hộ vạn đò định cư.

d. Vấn đề giáo dục và sức khỏe của người dân tại địa phương dưới ảnh hưởng của sự suy giảm nguồn vốn tự nhiên

Trình độ học vấn của các thành viên trong các hộ gia đình rất thấp. Nguyên nhân trực tiếp nhất dẫn đến tình trạng trên là hiện tượng bỏ học giữa chừng hay không được học đến nơi đến chốn của không những con em tại địa phương mà còn của thế hệ trước

đó rất phổ biến. Nguyên nhân của việc bỏ học giữa chừng được đưa ra phổ biến nhất là không có tiền cho con đi học và ở nhà để lao động giúp bố mẹ kiếm tiền. Như vậy, những khó khăn về kinh tế và do thói quen trong suy nghĩ đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến giáo dục tại địa phương.

Bên cạnh vấn đề giáo dục, sức khỏe của người dân, đặc biệt là những lao động phải làm nghề cũng có những dấu hiệu bị ảnh hưởng. Theo kết quả nghiên cứu, hiện nay, các bệnh chủ yếu do làm nghề đánh bắt tại sông đầm là bệnh đau lưng và cảm cúm.

Tóm lại, sự suy giảm nguồn lợi thủy sản tại đầm phá Tam Giang đã và đang tác động sâu sắc đến đời sống của các hộ vạn đò định cư tại địa bàn nghiên cứu. Đứng trước những thách thức và khó khăn trong cuộc sống người dân nơi đây bắt buộc phải có những lựa chọn, có những thay đổi, đối phó với thực tế để có cuộc sống tốt hơn.

Theo hướng tiếp cận xã hội học vi mô, lý thuyết lựa chọn hợp lý cho rằng con người luôn hành động một cách có chủ đích, có suy nghĩ để lựa chọn và sử dụng các nguồn lực một cách duy lý nhằm đạt được kết quả tối đa với chi phí tối thiểu. Do đó, sự thay đổi để đối phó với nguồn vốn tự nhiên bị suy giảm tùy thuộc vào bản thân của các hộ gia đình, tức bị quy định bởi những nguồn vốn sinh kế và mức độ của chúng để đưa ra chiến lược sinh kế phù hợp cho cuộc sống của gia đình.

Như vậy, để đảm bảo cuộc sống gia đình được ổn định hơn và đối phó với sự suy giảm nguồn lợi tại sông đầm, dựa vào kết quả nghiên cứu và theo hướng tiếp cận xã hội học, có thể dự báo những thay đổi trong việc lựa chọn các hoạt động sinh kế của các hộ gia đình vạn đò định cư trong những năm gần đây như sau:

Thứ nhất: Hoạt động đánh bắt thủy sản sẽ vẫn đóng vai trò chính trong việc tạo thu nhập và trong thang giá trị nghề nghiệp nhưng sẽ giảm dần ở những thế hệ tiếp theo, bắt đầu từ trong lớp thanh niên đi làm ăn xa hiện nay.

Thứ hai: Xu hướng cho con em nghỉ học để đi lao động xa tại các tỉnh thành khác ngày càng tăng tại các hộ gia đình.

Thứ ba: Nuôi trồng thủy sản sẽ được các hộ gia đình phát triển mạnh dẫn đến nhu cầu về sở hữu mặt nước.

Thứ tư: Đi biển sẽ được nhiều hộ gia đình tại Phú Hải và Phú Diên chọn để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Một số dịch vụ buôn bán cũng phổ biến tại các hộ gia đình khác.

4. Một số khuyến nghị

Để đảm bảo một sinh kế mang tính lâu dài, ổn định hơn dựa vào những thế mạnh mà các hộ gia đình đã và đang có trong cuộc sống gắn liền với đầm phá từ trước đến nay, đề tài xin đưa ra một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, khai thác và sử dụng nguồn lợi đầm phá Tam Giang theo hướng bền vững.

Thứ hai, thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ xã hội để giải quyết tình trạng lao động ngày càng tăng của các hộ gia đình vạn dò định cư.

Thứ ba, có quy định kịp thời về lựa chọn các loại hình đánh bắt phù hợp với tình hình đầm phá hiện nay tại các hộ vạn dò định cư.

Thứ tư, hỗ trợ về nuôi trồng thủy sản cho các hộ vạn dò định cư theo hướng tạo một chiến lược sinh kế mới với nuôi trồng thủy sản đóng vai trò chính.

Thứ năm, có những nghiên cứu cụ thể để can thiệp những vấn đề đang đặt ra tại cộng đồng như:

- Di cư lao động tại các hộ vạn dò định cư.
- Chuyển đổi sinh kế tại các hộ gia đình theo hướng bền vững.
- Giáo dục và các hướng giải quyết giáo dục cho trẻ trong độ tuổi đến trường tại các hộ vạn dò định cư.
- Cơ hội tiếp cận và sử dụng tài nguyên mặt nước trong nuôi trồng thủy sản.
- Vấn đề tăng dân số tại các hộ vạn dò định cư và giải quyết việc làm.